TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2026/DS-PT
Ngày: 09-6-2026
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất - ranh giới giữa các bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chế Linh.
Bà Mạc Thị Chiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 694/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất - ranh giới giữa các bất động sản liền kề".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 801/2026/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Quốc V, sinh năm: 1964.
Đăng ký thường trú: Số E đường L, phường T, thành phố Cần Thơ, có mặt.

***2. Bị đơn*:** Ông Trương Thành K, sinh năm: 1956.
Địa chỉ: C (nay là 397) H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thái Thị Kiều P, sinh năm: 1964.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thành K, sinh năm: 1956.
Cùng địa chỉ: Số C H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ, có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Mai Quốc V

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2025 và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ông Mai Quốc V là chủ quyền sử dụng thửa đất có số tờ bản đồ 34, số thửa đất 325, diện tích 213,6m². Địa chỉ ấp L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là đường H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05676 QSDĐ do UBND thành phố C cấp cho ông Mai Quốc V.

Nguồn gốc đất, ông V nhận chuyển nhượng vào năm 2002 và được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/5/2002. Thửa đất này được gia đình ông V sử dụng ổn định, cho đến nay ông V phát hiện gia đình ông K (hộ liền kề) đã lấn chiếm đất của ông V khoảng 6,6m². Chiều ngang khoảng 0,51m và 0,1m chiều dài khoảng 24,5m. Cộng thêm đất có kích thước chiều rộng khoảng 0,52m, chiều dài khoảng 0,64m.

Khi ông V làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn Phòng Đ - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N có thông báo số 619/TB-CNVPĐKĐĐ nội dung là kích thước thửa đất của ông V có thay đổi so với GCNQSDĐ đã cấp (giảm diện tích). Ông V làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thông báo của Sở T (nay là Sở T) sau khi mở rộng đường Hoàng Quốc V1 vào năm 2024. Trên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 13/5/2024, đơn vị đo đạc đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới tại thực địa của ông Mai Quốc V. Nhận thấy hành vi của ông Trương Thành K xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông V nên ông V làm đơn này yêu cầu buộc ông Trương Thành K có trách nhiệm trả lại cho gia đình ông V diện tích đất khoảng 6,6m^2. Đồng thời tháo dỡ, đập tường đã xây dựng lấn chiếm trên thửa đất của ông V.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích đất đang tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là ngang trước 0.1m, ngang sau 1.11m, dài 23.15m, tổng diện tích 8.8m^2. Giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ, đập tường đã xây dựng lấn chiếm thửa đất để trả lại đất cho nguyên đơn.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Ông Trương Thành K có nhận chuyển nhượng thửa đất số 324, tờ bản đồ số 34, tại đường H, khu V, phường A của bà Trần Thị N vào ngày 06/9/2014 có giáp ranh đất với đất của ông Mai Quốc V, khi ông K nhận chuyển nhượng đất của bà N thì giáp đất với ông V có nhiều cọc ranh thể hiện ranh giới giữa đất ông Mai Quốc V với đất ông K nhận mua.

Khi ông K xây dựng tường rào có mặt vợ chồng bà N chỉ ranh và xác định đúng ranh. Quá trình xây dựng có mặt ông Mai Q thường kiểm tra và xác định ông K xây dựng đúng ranh. Sau đó ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng cho đến nay cũng không phát sinh tranh chấp. Đến khi nhà nước thu hồi một phần đất mở đường lộ phía trước thì hàng rào đất nhà ông V bị tháo dỡ, cọc ranh bên nhà ông V cũng bị mất, diện tích đất phía ông K có hàng rào xây tường làm ranh không thay đổi từ trước đến nay. Đất ông K xây dựng trên 10 năm, hai bên xác định đúng ranh đất, nay ông V khởi kiện đòi đất vì cho rằng ông K lấn chiếm ranh đất thì ông K không đồng ý.

Bị đơn, người liên quan không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Quốc V về việc yêu cầu buộc bị đơn ông Trương Thành K phải tháo dỡ tường ranh để trả lại diện tích đất đang tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là ngang trước 0.1m, ngang sau 1.11m, dài 23.15m, tổng diện tích 8.8m^2.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai cho phù hợp hiện trạng thực tế sử dụng đất theo quy định Pháp luật đất đai.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất, duyệt ngày 08/10/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ – Sở Nông nghiệp và môi trường thành phố T).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn ông Mai Quốc V có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án dân sự số: 30/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trương Thành K phải trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông Mai Quốc V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Mai Quốc V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bị đơn trả lại diện tích 6,09m^2 đúng diện tích mà ông V bị thiếu so với diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ông V được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất từng cạnh của thửa đất, nhưng hiện nay khi đo đạc bị thiếu, hình thể thửa đất hiện tại cũng không giống hình thể thửa đất được cấp; Quá trình bị đơn cất bức tường thì ông V có qua yêu cầu ngưng xây dựng nhưng

vợ chồng ông V vẫn cố tình xây, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn ông Trương Thành K không thống nhất theo yêu cầu của ông V. Vào năm 2014, khi ông K nhận chuyển nhượng đất của bà N thì ông K đã xây dựng tường rao bao quanh thửa đất của mình, quá trình xây dựng không ai ngăn cản, đến nay hơn 10 năm ông V cho rằng ông lấn chiếm đất là vô lý; Mặt khác, nếu đối chiếu diện tích đất ông K đang sử dụng với diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì ông K cũng bị thiếu đất (42m^2), nhiều hơn diện tích đất nguyên đơn bị thiếu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, các đương sự; Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ một cách khách quan và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Mai Quốc V có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Tại phần tranh luận, nguyên đơn ông Mai Quốc V yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để tiến hành đo đạc lại đúng diện tích mà ông V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đo toàn bộ thửa đất của ông K nhận chuyển nhượng từ bà N, từ đó mới xác định được ông K đã lấn chiếm diện tích bao nhiêu của ông V. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm, vụ án đã được thẩm định 2 lần nhưng đều được các đương sự xác định hiện trạng đất không thay đổi so với lần thẩm định ban đầu; đã tiến hành đo đạc đất 02 lần và các đương sự cùng thống nhất Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/10/2025 của Văn phòng

đăng ký đất đai thành phố Đ để làm căn cứ giải quyết vụ án; Ông V cũng không kháng cáo liên quan đến sơ đồ hiện trạng trên. Mặt khác, căn cứ vào Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/10/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ đã thể hiện cơ quan chuyên môn đã đo hết các thửa đất của ông V và ông K đang sử dụng và xác định phần đất tranh chấp giữa các bên, vì vậy việc yêu cầu ngừng phiên tòa để đo đạc lại của nguyên đơn là không cần thiết nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Quốc V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Phần đất và tài sản trên đất đang tranh chấp được các đương sự thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2025 và ngày 29/12/2026; Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/10/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, phần đất đang tranh chấp vị trí phần 1 đo đạc thực tế là ngang trước 0.1m, ngang sau 1.11m, dài 23.15m, tổng diện tích 8.8m^2 tọa lạc tại phường A, thành phố Cần Thơ. Trên đất có 1 bức tường rào cột bê tông cốt thép do phía bị đơn xây dựng từ năm 2014.

[2.2]. Nguồn gốc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 34 ông Mai Quốc V sử dụng là do ông Dương Minh Q1, Lý Thị H chuyển nhượng cho ông Mai Quốc V diện tích đất 213,6m^2, thuộc tờ bản đồ số 12, thửa số 276. Ngày 09/5/2002, ông Mai Quốc V được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 986261, vào số cấp giấy chứng nhận 05676.QSDĐ diện tích đất 213,6m^2 thuộc tờ bản đồ số 34 thửa số 325. Ngày 13/01/2003, ông V đã chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất vườn sang loại đất thổ cư, diện tích 116,55m^2 trên thửa 341 tách từ thửa 325, theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố C. Ngày 21/6/2023, Ủy ban nhân dân quận N (cũ) đã ra Quyết định số 2572/QĐ-UBND về việc thu hồi 14,91m^2 loại đất trồng cây lâu năm (CLN) của ông Mai Quốc V, thửa đất số 497, tờ bản đồ số 34 (một phần thửa đất số 325 là 14,91m^2 loại đất vườn, tờ bản đồ số 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05676.QSDĐ do UBND thành phố C cấp ngày 09/5/2002) để thực hiện dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị - hạng mục cải tạo hạ tầng đường H. Như vậy, diện tích quyền sử dụng đất còn lại của ông Mai Quốc V là 213,6m^2 - 14,91m^2= 198,69m^2 (BL:19-50)

[2.3]. Nguồn gốc thửa 324, tờ bản đồ số 34 của ông Trương Thành K là vào 04/4/2002, ông Dương Minh Q1, bà Lý Thị H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Công S và bà Trần Thị N, diện tích đất 309m^2, thuộc tờ bản đồ số 12, thửa số 276; diện tích đất 121m^2, thuộc tờ bản đồ số 12, thửa số 23. Ngày 09/5/2002, bà Trần Thị N được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số U 986262, vào

số cấp giấy chứng nhận diện tích đất số: 05675 tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 34, diện tích 430m^2. Ngày 27/12/2002, bà N đã chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất vườn sang loại đất thổ cư diện tích 200m^2 trên thửa 340, theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố C. Ngày 02/7/2014, bà Trần Thị N và ông Nguyễn Công S chuyển nhượng cho ông Trương Thành K và bà Thái Thị Kiều P, diện tích đất 430m^2, thuộc thửa số 324, 340, tờ bản đồ số 34. Ông Trương Thành K và bà Thái Thị Kiều P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 527297 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 06934 do Ủy ban nhân dân quận N (cũ) cấp ngày 06/9/2014 tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 34 diện tích 430m^2 tọa lạc tại đường H, phường A, thành phố Cần Thơ. Ngày 04/4/2023, Ủy ban nhân dân quận N (cũ) đã ra Quyết định số 1214/QĐ-UBND về việc thu hồi 26,3m^2, trong đó có 8,6m^2 loại đất ở tại đô thị (ODT) và 17,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm (CLN) của ông Trương Thành K và bà Thái Thị Kiều P, thửa đất số 234 và 235, tờ bản đồ số 34 (một phần diện tích thửa đất số 324 là 8,6m^2 (ODT), tờ bản đồ số 34, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06934 do Ủy ban nhân dân quận N (cũ) cấp ngày 06/9/2014 và một phần thửa 333 thửa đất số 17,7m^2 (CLN) tờ bản đồ số 34 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02794 do Ủy ban nhân dân quận N (cũ) cấp ngày 24/3/2014) để thực hiện dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị - hạng mục cải tạo hạ tầng đường H. Như vậy, diện tích quyền sử dụng đất còn lại của ông Trương Thành K tại thửa 324 là 430m^2 - 8,6m^2 = 421,4m^2 (BL: 202)

[2.4]. Đối chiếu diện tích đất các bên đang sử dụng với diện tích đất các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích đo đạc thực tế các thửa đất 325+341 của ông Mai Quốc V là 192,6m^2, đối chiếu với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 198,69m^2, như vậy thiếu 6,09m^2, nếu cộng phần đất đang tranh chấp 8,8m^2 thì nguyên đơn sẽ sử dụng dư 2,71m^2.

Diện tích đo đạc thực tế thửa 324 của ông Trương Thành K là 379,4m^2, đối chiếu với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 421,4m^2, như vậy thiếu 42m^2, cộng phần đất đang tranh chấp 8,8m^2 thì bị đơn sử dụng vẫn thiếu 33,2m^2.

[2.5]. Xét hình thể thửa đất 325, 341 theo giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05676.QSDĐ do UBND thành phố C cấp ngày 09/5/2002 ông V2 cung cấp so với hình thể thửa 325, 341 ông V yêu cầu công nhận phần 1 (đất tranh chấp) cũng khác nhau được thể hiện cụ thể qua đoạn gấp khúc (cạnh tường ranh do ông K xây dựng). Nguyên đơn luôn cho rằng, phần đất gấp khúc này của nguyên đơn nhưng chứng cứ hồ sơ trích lục cạnh chiều dài thửa đất 325, 341 không có đoạn gấp khúc.

Nhưng hình thể trên thửa 324 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02794 do Ủy ban nhân dân quận N (cũ) cấp ngày 24/3/2014 cho ông Trương Thành K và bà Thái Thị Kiều P thì có thể hiện đoạn gấp khúc, phù hợp với hiện trạng thực tế sử dụng đất.

[2.6]. Xét quá trình sử dụng đất: Ông V cho rằng trước đây giữa ông với bà N là bà con nên chưa xác định ranh giới giữa hai bên như thế nào. Khi bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K thì ông V hoàn toàn không biết; hiện nay các cạnh của thửa đất của ông bị thiếu so với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông K lấn chiếm; Xét thấy, lời trình bày trên của ông V là chưa đủ căn cứ, bởi lẽ khi bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K năm 2014 thì ông K đã xây tường bao quanh toàn bộ thửa đất 324 đã nhận chuyển nhượng, tính đến thời điểm các bên phát sinh tranh chấp là hơn 10 năm. Phía ông V cho rằng ông K xây tường qua phần đất của ông nhưng ông cũng không cung cấp được tài liệu gì chứng minh ông có ngăn cản ông K trong quá trình xây dựng bức tường. Mặt khác, ngoài việc thửa đất ông V giáp ranh với thửa đất của ông K thì thửa đất của ông V còn giáp với các thửa đất khác của các hộ liền kề, cụ thể là thửa 63 và thửa 57, nên việc ông V cho rằng diện tích đất của mình bị thiếu là do ông K lấn, chiếm là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Quốc V.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

3. Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 09 tháng 06 năm 2026.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 1 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thủy